

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/HSST  
Ngày 15/7/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Hứa Đình Hiền;

2/ Bà Đoàn Thị Nhâm;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Lộc – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/TLST - HS ngày 22/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HS ngày 02/7/2021 đối với các bị cáo:

1/ **Bàn Văn V**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/9/1993 tại huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bàn Quý T và bà Lý Thị Đ (Đã chết); có vợ là Phùng Mùi Nh; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Hoàng Quý Ng**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16/12/1994 tại huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 2, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Phúc Ng và bà Triệu Thị B; có vợ là Triệu Thị H; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt tại phiên tòa.

\* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Gia Quốc T – Cán bộ không chuyên trách phụ trách công tác nông lâm nghiệp của UBND phường X.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1- Anh Triệu Nguyên T; sinh năm 1987; trú tại: Thôn B, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn.

2- Anh Triệu Nguyên B; sinh năm 1990; trú tại: Thôn B, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn.

3- Anh Triệu Long Qu; sinh năm 1997; trú tại: Thôn B, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn.

4- Anh Triệu Phúc V; sinh năm 1998; trú tại: Thôn B, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn.

Đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**\* Người làm chứng:** Anh Lý Sinh T; sinh năm 1990; trú tại: Thôn B, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020, Bàn Văn V, sinh ngày 05/9/1993, trú tại thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn có thông tin cho mọi người là muốn bán một số cây gỗ Bò Đề đã đến tuổi khai thác ở khu rừng của V tại L thuộc tổ 7, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng đầu tháng 10/2020, trong quá trình làm việc tại phường X, thành phố B, Hoàng Quý Ng, sinh ngày 16/12/1994, trú tại tổ 2, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn biết thông tin Bàn Văn V có nhu cầu bán gỗ nên Hoàng Quý Ng đã liên hệ, trao đổi trực tiếp với Bàn Văn V mua số cây gỗ bò đề trên đất rừng. Sau khi trao đổi thống nhất Bàn Văn V bán cho Hoàng Quý Ng khoảng 01 hecta diện tích có cây gỗ Bò Đề tại khu rừng L với giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để Hoàng Quý Ng tự khai thác cây nhưng V không làm thủ tục xin cấp phép khai thác với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi thỏa thuận xong, Hoàng Quý Ng đã thanh toán cho Bàn Văn V số tiền mặt là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) còn 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) Bàn Văn V không lấy mà để hỗ trợ cho Hoàng Quý Ng mở đường vào khu rừng này để thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển gỗ sau khi khai thác.

Ngày 12/10/2020, Hoàng Quý Ng thuê Lý Sinh T - Sinh ngày 5/7/1990, trú tại thôn B, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn dùng máy xúc để san ủi, cào đất mở một con đường có chiều rộng 2,5 mét, chiều dài 257 mét với giá thỏa thuận là 350.000 đồng/giờ. Quá trình mở đường Hoàng Quý Ng nói với Lý Sinh T là đã làm đầy đủ thủ tục xin cấp phép. Ngoài ra Hoàng Quý Ng còn thuê Triệu Nguyên T - Sinh ngày 16/10/1987, Triệu Nguyên B - Sinh ngày 09/7/1990, Triệu Long Qu - Sinh ngày 24/6/1997, Triệu Phúc V - Sinh ngày 02/01/1998, đều trú tại thôn B, xã T,

huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn đến khu rừng L thuộc tổ 7, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn khai thác cây gỗ Bồ Đề trong 02 ngày 12 và 13/10/2020 với giá 300.000 đồng/người/ngày. Trước khi khai thác cây gỗ Bồ Đề thì Hoàng Quý Ng thông báo cho bốn người này là đã mua đồi và đã làm thủ tục được cấp phép khai thác. Hoàng Quý Ng trực tiếp dùng 01 (một) cưa lóc có nhãn hiệu CHAIN SAW, lưỡi lam dài 50cm để chặt hạ cây sau đó chỉ đạo phân công T, B, Qu, V dùng dao chặt, phát cành cây của các cây gỗ Bồ Đề, dùng thước đo chiều dài các khúc gỗ để Ng cất rồi chuyển các khúc gỗ đã cất xếp thành đống. Quá trình khai thác cây gỗ Bồ Đề, Hoàng Quý Ng không làm thủ tục xin cấp phép, không có các giấy tờ, thủ tục theo quy định.

Ngày 21/10/2020, Hạt Kiểm lâm thành phố B phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra hiện trường khai thác tại lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 thuộc tổ 7, phường X, thành phố B phát hiện tại hiện trường khai thác có 62 (sáu mươi hai) gốc cây Bồ Đề đã bị chặt hạ (chưa xác định khối lượng) và 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ Bồ Đề có chiều dài từ 1,3 - 2,6 m; đường kính từ 10 - 34 cm có khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup>. Toàn bộ số gỗ Bồ Đề bị khai thác trái phép đã được Hạt Kiểm Lâm thành phố B tiến hành tạm giữ, hiện đang được bảo quản tại Hạt Kiểm Lâm thành phố B.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 12/11/2020 xác định: Khu vực rừng mà Hoàng Quý Ng khai thác cây gỗ Bồ Đề thuộc lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 là rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên thuộc tổ 7, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do UBND phường X quản lý (theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn). Tại hiện trường phát hiện có 62 gốc cây Bồ Đề đã bị chặt hạ có tổng khối lượng là 1,785m<sup>3</sup>. Tại lô 13 còn phát hiện có con đường đất mới được mở tạo thành đường đi có chiều dài 257m x chiều rộng 2,5m. Toàn bộ phần diện tích số cây Bồ Đề bị khai thác tại lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 là 0,92ha.

Căn cứ các tài liệu thu thập được xác định tổng khối lượng gỗ Bồ Đề bị khai thác trái phép là: 10,859 m<sup>3</sup>. Trong đó khối lượng gỗ Bồ Đề đã thu giữ tại hiện trường là 9,074 m<sup>3</sup>, khối lượng gỗ Bồ Đề hiện còn tại hiện trường (phần gốc cây) là 1,785 m<sup>3</sup>. Theo quy định tại Quyết định số 2198 – CRN ngày 26/11/1977 của Bộ Nông nghiệp và Thông tư số: 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định gỗ Bồ Đề là loại gỗ nhóm VIII thuộc loài thực vật thông thường.

Ngày 08/02/2021, Cơ quan CSĐT- Công an TP B trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B định giá giá trị tài sản đối với: 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ tròn thông thường nhóm VIII (gỗ Bồ Đề) có tổng khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup> và 62 (sáu mươi hai) gốc cây gỗ tròn thông thường bị chặt hạ, nhóm VIII (gỗ Bồ Đề) có khối tổng khối lượng là 1,785 m<sup>3</sup>.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 25/03/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận:

+ 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ tròn thông thường nhóm VIII (gỗ Bồ Đề) có tổng khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup>. Giá trị tài sản là 9.799.920 đồng (chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn chín trăm hai mươi đồng).

+ 62 (sáu mươi hai) gốc cây gỗ tròn thông thường bị cắt hạ, nhóm VIII (gỗ Bồ Đề) có tổng khối lượng là 1,785 m<sup>3</sup>. Giá trị tài sản là 1.927.800 đồng (một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản là 11.727.720 đồng (mười một triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Lời khai ban đầu của Bàn Văn V cho rằng số cây gỗ Bồ Đề mà Bàn Văn V bán cho Hoàng Quý Ng là cây mọc tự nhiên, do gia đình Bàn Văn V chăm sóc, quản lý. Năm 2018, bố đẻ của Bàn Văn V là ông Bàn Quý T giao cho Bàn Văn V tạm thời quản lý khi ông T vắng nhà khoảng 10 ha rừng mà gia đình đang sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bàn Quý T. Hộ gia đình ông Bàn Quý T đã quản lý, sử dụng diện tích đất tại vị trí có các cây Bồ Đề (bán cho Ng) từ khoảng năm 1990 để trồng lúa nương, sau đó không canh tác nữa nên mọc nhiều cây vầu xen lẫn cây Bồ Đề. Do cây Bồ Đề đã đến thời kỳ khai thác nên đã bán cho Hoàng Quý Ng để khai thác.

Ông Bàn Quý T khai nhận được giao cho Bàn Văn V tạm thời quản lý khu đất rừng của gia đình khi ông không có mặt tại nhà. Khi Bàn Văn V bán những cây gỗ Bồ Đề mọc tự nhiên cho Hoàng Quý Ng thì ông Bàn Quý T không biết do Bàn Văn V không thông báo.

Quá trình điều tra xác định: Năm 1997 hộ gia đình ông Bàn Quý T trú tại thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn được UBND huyện B, tỉnh Bắc Kạn giao đất rừng và đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 17 ha gồm: Lô số 6 (diện tích 5,17 ha, là đất để trồng cây), lô số 7 (diện tích 3,15 ha, là đất để trồng cây), lô số 10 (diện tích 3,83 ha, là đất có rừng) và lô số 11 (diện tích 4,85 ha, là đất để trồng cây). 04 (bốn) lô đất trên thuộc khoảnh 5, tiểu khu 192 theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2014, Nhà nước tiến hành đo đạc lại đất lâm nghiệp thì diện tích đất rừng trên của ông Bàn Quý T không còn nằm trong địa giới hành chính của xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn. Hiện tại theo địa giới hành chính thì hộ gia đình ông Bàn Quý T có con trai là Bàn Văn V, trú tại thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn chưa được cấp phép quyền sử dụng bất kỳ khu đất rừng nào. Các lô 6, 7, 10, 11, khoảnh 5, tiểu khu 192 theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn hiện nay thuộc khoảnh 6, tiểu khu 347 rừng phòng hộ do UBND phường X, thành phố B quản lý theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2020, Hạt Kiểm Lâm thành phố B xác định khu vực cây gỗ Bồ Đề bị khai thác trái phép không thuộc diện tích đất hộ gia đình ông Bàn Quý T được cấp vào năm 1997 mà vị trí này trước đây vào năm 1997 là thuộc diện tích mà Ủy ban nhân dân huyện B đã giao cho ông Bàn Văn Đ, sinh năm 1978, trú tại thôn N, xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số

5359 QĐ/UB ngày 31/12/1997 của UBND huyện B (thuộc lô 13, khoảnh 5, tiểu khu 192 theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 của UBND xã T, huyện B). Hiện nay khu rừng có cây gỗ Bồ Đề bị khai thác thuộc lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc tổ 7, phường X, thành phố B do UBND phường X, thành phố B quản lý theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn.

Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2020, UBND phường X, thành phố B xác định từ khi quản lý diện tích rừng phòng hộ tại L thuộc tổ 7, phường X, thành phố B đến nay không giao cho cá nhân, tổ chức nào quản lý, sử dụng và không cấp phép cho cá nhân, tổ chức nào khai thác.

Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B xác định trong thời điểm năm 2020, UBND thành phố Bắc Kạn không tiếp nhận, không cấp phép khai thác lâm sản cho cá nhân, tổ chức nào xin cấp phép khai thác lâm sản tại khu rừng phòng hộ thuộc lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 tại tổ 7, phường X, thành phố B. Nên 62 cây gỗ Bồ Đề bị chặt hạ tại lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 thuộc tổ 7, phường X, thành phố B cũng chưa được cấp phép khai thác.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 (một) cưa lóc màu da cam, nhãn hiệu CHAIN SAW (có các ký hiệu: 65.1cc; 25:1; 8,8 kgs; 48 mm; 3.4kW/9300rpm), lưỡi lam dài 50 cm; đã qua sử dụng.

- 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 20 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4 cm; đã qua sử dụng.

- 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 27,5 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4,2 cm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 29 cm, cán dao dài sắt 9 cm, cán dao gỗ 3,5cm, chiều rộng lưỡi dao là 3,5 cm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 28 cm, cán dao dài 9 cm, chiều rộng lưỡi dao là 3,5 cm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 27 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4 cm, đã qua sử dụng.

- Đối với 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ Bồ Đề có chiều dài từ 1,3 - 2,6m; đường kính từ 10 - 34 cm có khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup> được tạm giữ trong quá trình kiểm tra hiện trường hiện đang được bảo quản tại Hạt kiểm lâm thành phố B.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT - VKSTPBK ngày 20 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Bàn Văn V, Hoàng Quý

Ng về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

*“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 07 mét khối ( $m^3$ ) đến dưới 15 mét khối ( $m^3$ ) gỗ loài thực vật thông thường...;*

.....

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

#### **Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

\* Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn V từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo V cho UBND xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Quý Ng từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ng cho UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

\* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

\* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) cửa lóc màu da cam, nhãn hiệu CHAIN SAW (có các ký hiệu: 65.1cc; 25:1; 8,8 kgs; 48 mm; 3.4kW/9300rpm), lưỡi lam dài 50 cm; đã qua sử dụng.

+ 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ Bồ Đề có chiều dài từ 1,3 - 2,6 m; đường kính từ 10 - 34 cm có khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup> được tạm giữ trong quá trình kiểm tra hiện trường hiện đang được bảo quản tại Hạt kiểm lâm thành phố B.

- Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) con dao sắt, đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo Bàn Văn V nộp lại số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

\* Về án phí: Bị cáo Hoàng Quý Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn V.

Bị cáo Bàn Văn V và bị cáo Hoàng Quý Ng thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét mở lượng khoan hồng cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự - UBND phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn là ông Gia Quốc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đơn nêu rõ UBND phường X không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về dân sự; về trách nhiệm hình sự. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong đơn nêu rõ không yêu cầu được lấy lại 04 con dao mà họ đã sử dụng để khai thác rừng, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt những người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do vậy căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX

tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Bàn Văn V và bị cáo Hoàng Quý Ng thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Vào khoảng đầu tháng 10/2020, Bàn Văn V đã có hành vi bán cây gỗ Bồ Đề (cây sống) trên diện tích 0,92ha tại lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 là rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên thuộc tổ 7, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do UBND phường X quản lý cho Hoàng Quý Ng để Ng trực tiếp khai thác. Sau đó, trong 02 ngày 12 và 13 tháng 10 năm 2020, Hoàng Quý Ng đã có hành vi sử dụng cưa lóc và dao sắt trực tiếp khai thác và thuê người khai thác tại khu rừng mà Bàn Văn V bán cho Hoàng Quý Ng, gây thiệt hại 62 cây gỗ Bồ Đề với tổng khối lượng 10,859 m<sup>3</sup> (thuộc loài thực vật thông thường) có giá trị là 11.727.720 đồng (mười một triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi đồng). Quá trình bán và khai thác rừng, Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng đều không xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hành vi của Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng đã đủ các yếu tố cấu thành tội *“Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”* quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tội phạm mà các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao), trình độ học vấn và sự hiểu biết xã hội hạn chế, bị cáo V gia đình thuộc hộ nghèo, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”* và *“Người phạm tội thành khẩn khai báo”* quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy rằng đây là vụ án đồng phạm, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò của các bị cáo: Bị cáo V có hành vi bán cây gỗ Bồ Đề (cây sống) trên diện tích 0,92ha tại lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 là rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên, không thuộc quyền quản lý, sở hữu của mình và dẫn bị cáo Ng đến chỉ vị trí khu rừng có cây gỗ Bồ Đề để Ng khai thác trái phép nên bị cáo V đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Ng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội ở ngoài xã hội tự tu dưỡng, rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm của mình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo V thuộc hộ nghèo, điều kiện kinh tế rất khó khăn, còn bị cáo Ng làm lao động tự do, không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B – người đại diện theo ủy quyền là ông Gia Quốc T không yêu cầu các bị cáo Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng phải bồi thường thiệt hại, do vậy HĐXX không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) cưa lốc màu da cam, nhãn hiệu CHAIN SAW (có các ký hiệu: 65.1cc; 25:1; 8,8 kgs; 48 mm; 3.4kW/9300rpm), lưỡi lam dài 50 cm; đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 20 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4 cm, đã qua sử dụng; 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 27,5 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4,2 cm, đã qua sử dụng; 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 29 cm, cán dao dài sắt 9 cm, cán dao gỗ 3,5cm, chiều rộng lưỡi dao là 3,5 cm, đã qua sử dụng; 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 28 cm, cán dao dài 9 cm, chiều rộng lưỡi dao là 3,5 cm, đã qua sử dụng; 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 27 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4 cm, đã qua sử dụng, đều là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ Bồ Đề có chiều dài từ 1,3 - 2,6m; đường kính từ 10 - 34 cm có khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup> được tạm giữ trong quá trình kiểm tra hiện trường hiện đang được bảo quản tại Hạt kiểm lâm thành phố B, cần tịch thu hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là số tiền bị cáo Bàn Văn V thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có, theo quy định của pháp luật cần buộc bị cáo nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo Hoàng Quý Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Đối với bị cáo Bàn Văn V thuộc hộ nghèo, đã có đơn xin miễn án phí do vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo V.

[11] Đối với các anh Triệu Nguyên T, Triệu Nguyên B, Triệu Long Qu, Triệu Phúc V, Lý Sinh T là những người được Hoàng Quý Ng thuê để khai thác gỗ Bồ Đề và mở đường vào rừng phòng hộ thì qua điều tra đã xác định được bản thân những người này không biết việc khai thác rừng của mình tại lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 347 thuộc tổ 7, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn là vi phạm pháp luật, vì khi được thuê khai thác rừng và mở đường họ được Hoàng Quý Ng cho biết khu rừng này đã được làm thủ tục xin cấp phép đầy đủ do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với họ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi thuê người mở đường vào rừng phòng hộ của Hoàng Quý Ng với diện tích mở đường trong rừng phòng hộ là 642,5m<sup>2</sup> chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Hủy hoại rừng” quy định tại điều 243 BLHS. Đề nghị Cơ quan CSĐT sao y các tài liệu liên quan chuyển giao đến Hạt kiểm lâm thành phố B để tiến hành xử phạt hành chính đối với Hoàng Quý Ng theo quy định.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Bàn Văn V và Hoàng Quý Ng phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

#### **2. Điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:**

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bàn Văn V** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo V cho UBND xã T, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Quý Ng** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ng cho UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) cửa lóc màu da cam, nhãn hiệu CHAIN SAW (có các ký hiệu: 65.1cc; 25:1; 8,8 kgs; 48 mm; 3.4kW/9300rpm), lưỡi lam dài 50 cm; đã qua sử dụng.

+ 160 (một trăm sáu mươi) khúc gỗ bồ đề có chiều dài từ 1,3 - 2,6m; đường kính từ 10 - 34 cm có khối lượng là 9,074 m<sup>3</sup> được tạm giữ trong quá trình kiểm tra hiện trường hiện đang được bảo quản tại Hạt kiểm lâm thành phố B.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 20 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4 cm; đã qua sử dụng.

+ 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 27,5 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4,2 cm, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 29 cm, cán dao dài 9 cm, cán dao gỗ 3,5cm, chiều rộng lưỡi dao là 3,5 cm, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 28 cm, cán dao dài 9 cm, chiều rộng lưỡi dao là 3,5 cm, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) dao sắt có kích thước: chiều dài lưỡi dao là 27 cm, cán dao dài 10 cm, chiều rộng lưỡi dao là 4 cm, đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo Bàn Văn V nộp lại số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2021 giữa Cơ quan Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B và Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 21/10/2020 của Hạt kiểm lâm thành phố B).*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Hoàng Quý Ng phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn V.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**5. Quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDTPBK;
- Công an TPBK;
- Chi cục THADS TPBK;
- Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn DS;
- Những người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Nguyệt Thu**

